TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Đông Phương học**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 19 (2023 - 2027)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 16 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 6, tự chọn: 10)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**6**			
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
DP70003	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	30	0
DP70001	Nhập môn ngành Đông phương học	1	15	15	0
DP70004	Tiếng Việt thực hành	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 4 trong 8 học phần)		**10**			
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP71101	Ngữ pháp Nhật 1	2	30	30	0
DP71107	Nghe - Nói Nhật 1	3	45	45	0
DP71113	Đọc - Viết tiếng Nhật 1	3	45	45	0
DP71119	Địa lí và dân cư Nhật Bản	2	30	30	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP71201	Ngữ pháp Hàn 1	2	30	30	0
DP71207	Nghe - Nói Hàn 1	3	45	45	0
DP71213	Đọc - Viết tiếng Hàn 1	3	45	45	0
DP71219	Địa lí và dân cư Hàn Quốc	2	30	30	0
HỌC KỲ 2: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 12, tự chọn: 08)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**

Học phần bắt buộc		**12**			
CB70301	Tin học 1	2	45	15	30
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
CB70204	Logic	2	30	30	0
CB71401	Giáo dục thể chất 1 - (Bơi lội)	1	30	0	30
DP70002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	30	0
DP70005	Lịch sử tư tưởng phương Đông	2	30	30	0
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 6 học phần)		**8**			
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP71102	Ngữ pháp tiếng Nhật 2	2	30	30	0
DP71108	Nghe - Nói tiếng Nhật 2	3	45	45	0
DP71114	Đọc - Viết tiếng Nhật 2	3	45	45	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP71202	Ngữ pháp tiếng Hàn 2	2	30	30	0
DP71208	Nghe - Nói tiếng Hàn 2	3	45	45	0
DP71214	Đọc - Viết tiếng Hàn 2	3	45	45	0
HỌC KỲ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 11, tự chọn: 10)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**11**			
TA70309	Anh văn 1	3	45	45	0
CB70302	Tin học 2	2	60	0	60
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB71402	Giáo dục thể chất 2	1	30	0	30
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
Học phần tự chọn		**10**			
	Chọn 1 trong 3 học phần				
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
CB71103	Tâm lý học Y đức	2	30	30	0

	Chọn 3 trong 6 học phần				
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP71103	Ngữ pháp tiếng Nhật 3	2	30	30	0
DP71109	Nghe - Nói tiếng Nhật 3	3	45	45	0
DP71115	Đọc - Viết tiếng Nhật 3	3	45	45	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP71203	Ngữ pháp tiếng Hàn 3	2	30	30	0
DP71209	Nghe - Nói tiếng Hàn 3	3	45	45	0
DP71215	Đọc - Viết tiếng Hàn 3	3	45	45	0
HỌC KỲ 4: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 9, tự chọn: 12)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**9**			
TA70310	Anh văn 2	3	45	45	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1*	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2*	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3*	2	60	0	60
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4*	1	30	0	30
CB71405	Giáo dục thể chất 3	1	30	0	30
DP70006	Xã hội học	2	30	30	0
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
Học phần tự chọn		**12**			
	Chọn 1 trong 4 học phần				
DD70040	Thực hành sơ cấp cứu ban đầu	2	30	30	0
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71105	Văn hóa và Âm nhạc Dân tộc Việt Nam	2	30	30	0
CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
	Chọn 4 trong 8 học phần				

Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP71104	Ngữ pháp tiếng Nhật 4	2	30	30	0
DP71110	Nghe - Nói tiếng Nhật 4	3	45	45	0
DP71116	Đọc - Viết tiếng Nhật 4	3	45	45	0
DP71121	Dân tộc và văn hóa Nhật Bản	2	30	30	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP71204	Ngữ pháp tiếng Hàn 4	2	30	30	0
DP71210	Nghe - Nói tiếng Hàn 4	3	45	45	0
DP71216	Đọc - Viết tiếng Hàn 4	3	45	45	0
DP71221	Dân tộc và văn hóa Hàn Quốc	2	30	30	0
HỌC KỲ 5: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 9, tự chọn: 12)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**9**			
TA70311	Anh văn 3	3	45	45	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
Học phần tự chọn (Chọn 5 trong 10 học phần)		**12**			
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP71105	Ngữ pháp tiếng Nhật 5	2	30	30	0
DP71111	Nghe - Nói tiếng Nhật 5	3	45	45	0
DP71117	Đọc - Viết tiếng Nhật 5	3	45	45	0
DP71120	Lịch sử Nhật Bản	2	30	30	0
DP71122	Kinh tế Nhật Bản	2	30	30	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP71205	Ngữ pháp tiếng Hàn 5	2	30	30	0
DP71211	Nghe - Nói tiếng Hàn 5	3	45	45	0
DP71217	Đọc - Viết tiếng Hàn 5	3	45	45	0
DP71220	Lịch sử Hàn Quốc	2	30	30	0
DP71222	Kinh tế Hàn Quốc	2	30	30	0
HỌC KỲ 6: 17 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 5, tự chọn: 12)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**

Học phần bắt buộc		**5**			
DP70008	Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ	3	45	45	0
DP70007	Quan hệ quốc tế	2	30	30	0
Học phần tự chọn		**12**			
TA71312	Anh văn 4	2	30	30	0
	Chọn 6 trong 12 học phần				
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP71106	Ngữ pháp tiếng Nhật 6	2	30	30	0
DP71112	Nghe - Nói tiếng Nhật 6	3	45	45	0
DP71118	Đọc - Viết tiếng Nhật 6	3	45	45	0
DP71123	Chính sách đối ngoại Nhật Bản	2	30	30	0
DP71124	Văn học Nhật Bản	2	30	30	0
DP71125	Khảo sát năng lực JLPT	2	30	30	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP71206	Ngữ pháp tiếng Hàn 6	2	30	30	0
DP71212	Nghe - Nói tiếng Hàn 6	3	45	45	0
DP71218	Đọc - Viết tiếng Hàn 6	3	45	45	0
DP71223	Chính sách đối ngoại Hàn Quốc	2	30	30	0
DP71224	Văn học Hàn Quốc	2	30	30	0
DP71225	Khảo sát năng lực TOPIK	2	30	30	0
HỌC KỲ 7: 4 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***4***			
DP70009	Thực tập tốt nghiệp	4	60	0	0
HỌC KỲ 8: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 06)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Khóa luận tốt nghiệp		***6***			
DP71001	Khóa luận tốt nghiệp	6	90	90	0
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***6***			
Chuyên ngành Nhật Bản học					
DP71126	Biên - Phiên dịch Việt - Nhật	3	45	45	0

DP71127	Tiếng Nhật thương mại	3	45	45	0
Chuyên ngành Hàn Quốc học					
DP71226	Biên - Phiên dịch Việt - Hàn	3	45	45	0
DP71227	Tiếng Hàn thương mại	3	45	45	0